

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 06/9/2021

V/v “*Ly hôn, tranh về chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn và ông Nguyễn Văn Tư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 28/8/2021 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 (*vắng mặt*)

HKTT: Số nhà 15, ngõ 42, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Minh Phượng, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

****Bị đơn:*** Anh Đinh Ngọc H, sinh năm 1985 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 42, tổ dân phố số 3, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:***

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 14/9/2018 chị có đăng ký kết hôn với anh Đinh Ngọc H tại UBND phường Mỹ Độ, thành phố B dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và chỉ một thời gian sau thì tình cảm vợ chồng không còn nồng thắm, hòa thuận, hạnh phúc như trước. Cho đến khi chị mang thai thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về quan điểm

sống, mâu thuẫn trong sinh hoạt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng khác nhau, bất đồng về mọi mặt dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không thay đổi được tình hình. Do mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở Minh Phượng, Nham Biền, Yên Dũng sống từ tháng 5/2021, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ vì chị không còn tình cảm với anh H. Chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh H để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đinh Đức Huy, sinh ngày 28/6/2019. Hiện nay cháu Huy đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Huy cho chị nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm tại phòng khám đa khoa Bảo Minh, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị xác định vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 30/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đinh Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị D ngày 14/9/2018 tại UBND phường Mỹ Độ, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Cho đến tháng 9/2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh nhận thấy đúng là vợ chồng anh có mâu thuẫn như chị D trình bày. Nguyên nhân vợ chồng anh có trục trặc chủ yếu là do công việc của anh là kế toán nên thường xuyên pH đi tiếp khách, ít khi có thời gian dành cho vợ con. Nay anh đã nhận thực được sai lầm của mình và trong thời gian tới anh sẽ cố gắng sửa chữa. Anh mong chị D cho anh thêm một cơ hội để anh thay đổi. Anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị D, anh mong chị D rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Đinh Đức Huy, sinh ngày 28/6/2019. Hiện nay cháu Huy đang sống cùng với chị D. Trường hợp vợ chồng không đoàn tụ được và bắt buộc pH ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Huy cho chị D nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản làm việc ngày 28/7/2021, bà Cao Thị Chinh, sinh năm 1958, là mẹ đẻ anh H trình bày: Chị D và anh H kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn thì anh chị về sống cùng gia đình bà. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Sau khi kết hôn được khoảng một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là công việc của anh H đi công tác hay pH đi tiếp khách, uống rượu và đi hát karaoke nên vợ chồng có xô xát. Chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 5/2021 đến nay. Vợ chồng hiện đã ly thân. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần, anh H cũng đã đến xin lỗi để đón chị D về nhiều lần nhưng chị D vẫn không tha thứ và không về. Về con chung, vợ chồng anh H có một con chung là cháu Đình Đức Huy sinh năm 2019. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Hiện chị D làm ở phòng khám Bảo Minh còn anh H là kế toán nhưng bà không rõ thu nhập của anh H và chị D là bao nhiêu. Bà mong Tòa án hòa giải để vợ chồng anh H quay về đoàn tụ với nhau cho con cái đỡ khổ.

Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2021, ông Nguyễn Đình Diễm là tổ trưởng tổ 3, phường Mỹ Độ cung cấp: Chị D và anh H kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh H ở địa phương và có một con chung sinh năm 2019. Quá trình vợ chồng sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được chỉ biết hiện tại chị D đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 5/2021 đến nay. Vợ chồng hiện đã ly thân. Hiện nay anh H làm kế toán còn chị D làm gì và mức thu nhập cụ thể của anh chị địa phương không rõ.

Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ngày 28/8/2021, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như không tham gia phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D và xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đình Ngọc H. Giao cho chị D nuôi dưỡng con chung là Đình Đức Huy, sinh ngày 28/6/2019,

anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Chị Nguyễn Thị D pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh Đinh Ngọc H pH chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đinh Ngọc H sinh sống trên địa bàn thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Ngọc H kết hôn ngày 14/9/2018, trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại UBND phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B và. Hôn nhân giữa chị D và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm trong sinh hoạt và một phần do anh H hay pH đi tiếp khách, uống rượu, không dành thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 5/2021, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn. Còn anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh sẽ sửa chữa sai lầm, anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Nhưng Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng chị D đều cương quyết ly hôn do xác định không còn tình cảm với anh H. Mặt khác anh H đều không có mặt tại các phiên tòa xét xử. Như vậy, cả chị D và anh H đều không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có một con chung là Đinh Đức Huy, sinh ngày 28/6/2019. Hiện nay cháu Huy đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Anh H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Huy chưa được 36 tháng tuổi, còn nhỏ

nên cần sự chăm sóc của người mẹ, chị D hoàn toàn đảm bảo được điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh H cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung như chị D yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này là chính đáng và để đảm bảo việc chăm sóc con chung được tốt hơn nên cần được chấp nhận. Do vậy, cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và anh Đinh Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đinh Ngọc H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đinh Đức Huy, sinh ngày 28/6/2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Ngọc H pH cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D, mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi chị D và anh H có yêu cầu khác.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên pH thi hành không thi hành thì hàng tháng còn pH trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn pH trả.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002341 ngày 23/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Anh Đinh Ngọc H pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- UBND phường Mỹ Độ, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Hằng